

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1007/2010/QĐ-UBND

*Tuy Hòa, ngày 27 tháng 7 năm 2010*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước  
và mức trần thu phí dịch vụ nội đồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04 tháng 4 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi; Công văn số 47/ĐC-CP ngày 09 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ đình chính Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2009/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư 11/2009/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Xét đề nghị của liên Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính tại Công văn số 1143/LS.TC-NN&PTNT ngày 20 tháng 7 năm 2010,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước và mức trần thu phí dịch vụ nội đồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ vụ Đông Xuân năm 2011 và thay thế Quyết định số 22/2005/QĐ-UB ngày 10 tháng 01 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc Quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Đồng Cam và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Cự**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Mức thu thủy lợi phí, tiền nước và mức trần thu phí dịch vụ nội đồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1007/2010/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2010  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Đối tượng áp dụng**

- Các tổ chức, cá nhân sử dụng nước từ công trình thủy lợi hoặc sử dụng công trình thủy lợi cho mục đích sản xuất, cấp nước sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ phải nộp thủy lợi phí và tiền nước theo Quy định này cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

- Thủy lợi phí, tiền nước và phí dịch vụ nội đồng được thu bằng tiền (đồng) Việt Nam.

#### **Điều 2. Phạm vi áp dụng**

Quy định này quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước và mức trần thu phí dịch vụ nội đồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân dùng nước từ công trình thủy lợi theo Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 và Nghị định số 115/2008/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 143/2003/NĐ-CP.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Mức thu thủy lợi phí, tiền nước**

1. Mức thu thủy lợi phí, tiền nước quy định tại Điều này được áp dụng cho tất cả các công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

1.1. Biểu mức thu thủy lợi phí đối với đất trồng lúa:

Mức thu này được tính cho công tác quản lý từ đầu mỗi công trình thủy lợi đến công lấy nước đầu kênh của Hợp tác xã quản lý:

*Đơn vị tính: đồng/ha/vụ*

<b>TT</b>	<b>Biện pháp công trình</b>	<b>Mức thu</b>
1	Tưới, tiêu bằng trọng lực	824.000
2	Tưới, tiêu bằng động lực	939.000
3	Tưới, tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	866.000

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì thu bằng 40% mức thu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì thu bằng 50% mức thu trên.

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì thu bằng 60% mức thu trên.

1.2. Đối với diện tích trồng cây rau, hoa, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả thì mức thu thủy lợi phí bằng 40% mức thủy lợi phí đối với trồng lúa.

1.3. Cấp nước ngọt đối với việc sản xuất muối thu 2% giá trị muối thành phẩm.

1.4. Biểu mức thu tiền nước đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực (theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 1 Nghị định 115/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ). Cụ thể như sau:

a) Cấp nước thô bằng biện pháp tự chảy phục vụ cho sản xuất công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp thu 750 đồng/m<sup>3</sup>, nếu cấp nước thô bằng biện pháp bơm điện thu 1.500 đồng/m<sup>3</sup>.

b) Cấp nước thô bằng biện pháp tự chảy dùng cho nhà máy nước phục vụ sinh hoạt, chăn nuôi thu 750 đồng/m<sup>3</sup>, nếu cấp nước thô bằng biện pháp bơm điện thu 1.100 đồng/m<sup>3</sup>.

c) Cấp nước thô bằng biện pháp tự chảy để nuôi trồng thủy sản thu 500 đồng/m<sup>3</sup>, nếu cấp bằng biện pháp bơm điện thu 700 đồng/m<sup>3</sup> hoặc 2.500 đồng/m<sup>2</sup> mặt thoáng.

d) Nuôi trồng thủy sản trong lồng hồ chứa thủy lợi thu 7% giá trị sản lượng; nuôi cá cá lồng, bè thu 8% giá trị sản lượng.

đ) Nước tưới dùng kết hợp để phát điện thu 12% giá trị sản lượng điện thương phẩm.

e) Sử dụng công trình thủy lợi để kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí, nhà hàng thu 10% tổng giá trị doanh thu.

- Trường hợp đối với các công trình đầu mối là trạm bơm điện, bơm dầu chi phí quản lý, vận hành công trình cao, mức thu thủy lợi phí theo quy định không đủ, để đảm bảo kinh phí các đơn vị quản lý thủy nông có thể quy định mức thu thủy lợi phí ở mức cao hơn nhưng phải thông qua Đại hội xã viên hoặc tập thể người sử dụng nước thỏa thuận mức thu (bằng tiền), nhưng không được cao hơn 1,2 lần mức thu quy định tại Điều này và phải được thông qua Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và được Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định. Phần chênh lệch mức thu cao hơn mức thu quy định tại Điều này thì hộ dùng nước phải trả.

- Đối với biện pháp tưới tiêu bằng bơm chuyên 2 cấp, mức thu thủy lợi phí được tính như sau:

+ Cấp bơm thứ nhất: Tính như biện pháp tưới tạo nguồn bằng động lực thì thu bằng 50% mức quy định tại Điều 2 của Quy định này.

+ Cấp bơm thứ hai: Tính giá bằng biện pháp tưới tiêu bằng động lực.

Như vậy, đối với tưới tiêu bằng biện pháp bơm chuyên 2 cấp được tính áp giá bằng 1,5 lần mức thu tưới tiêu bằng động lực tại Điều 2 của Quy định này.

2. Mức thu thủy lợi phí của các công trình thủy lợi được đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc có một phần vốn ngân sách nhà nước do đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi thỏa thuận với hộ dùng nước và không vượt mức trần thu thủy lợi phí, tiền nước được quy định khoản 1 Điều này.

#### **Điều 4. Mức trần thu phí dịch vụ nội đồng**

Mức trần thu phí dịch vụ nội đồng từ sau công đầu kênh đến mặt ruộng (kênh nội đồng) như sau:

*Đơn vị tính: đồng/ha/vụ*

TT	Biện pháp công trình	Mức trần thu phí dịch vụ nội đồng	
		Các huyện đồng bằng	Các huyện miền núi (huyện Sông Hinh, Sơn Hòa và Đồng Xuân)
1	Tưới, tiêu bằng trọng lực (hồ chứa, đập dâng...)	350.000	400.000
2	Tưới, tiêu bằng động lực (trạm bơm các loại)		

Các tổ chức quản lý thủy nông địa phương, tùy điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng; đặc điểm của từng hệ thống thủy lợi nội đồng, thông qua Đại hội xã viên hoặc tập thể người sử dụng nước thỏa thuận mức thu (bằng tiền) phí dịch vụ nội đồng từ sau công đầu kênh cho phù hợp với tiêu chí lấy thu bù chi, đảm bảo kinh phí cho tổ chức quản lý thủy nông hoạt động. Mức phí dịch vụ nội đồng thỏa thuận không được cao hơn mức trần thu phí dịch vụ nội đồng quy định tại Điều này.

#### **Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

1. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí hàng năm cho Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Đồng Cam và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nơi có các đơn vị quản lý thủy nông được cấp bù thủy lợi phí theo biểu mức thu thủy lợi phí đã được quy định trên.

- Cấp phát kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí cho các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nơi có các đơn vị quản lý thủy nông được cấp bù thủy lợi phí.

- Kiểm tra, phê duyệt quyết toán kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí cho các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi thuộc tỉnh quản lý và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nơi có các đơn vị quản lý thủy nông được cấp bù thủy lợi phí.

- Theo dõi, nắm bắt những kiến nghị, trở ngại, vướng mắc của các tổ chức dùng nước khi thực hiện thu thủy lợi phí theo Quy định này để báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (đối với các đơn vị quản lý thủy nông cấp huyện quản lý):

- Tổng hợp dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí hàng năm theo biểu mức thu thủy lợi phí đã được quy định trên.

- Kiểm tra, phê duyệt quyết toán kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí cho các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi thuộc cấp huyện quản lý.

- Lập báo cáo quyết toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí.

3. Các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi và tổ chức hợp tác dùng nước có trách nhiệm:

- Thông báo rộng rãi chính sách miễn thủy lợi phí và mức thu thủy lợi phí cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nước hiệu và thực hiện theo Quy định này.

- Lập bảng kê diện tích được tưới, nhu cầu sử dụng nước và thực hiện đầy đủ việc ký kết và nghiệm thu hợp đồng sử dụng nước với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước.

- Tổ chức quản lý, vận hành, bảo vệ, sửa chữa công trình đảm bảo phục vụ công tác tưới tiêu theo hợp đồng đã ký.

- Trực tiếp thu thủy lợi phí, tiền nước của các tổ chức, cá nhân không được miễn thủy lợi phí và phí dịch vụ nội đồng theo đúng biểu mức thu thủy lợi phí quy định tại Quyết định này. Trong quá trình thực hiện hóa đơn chứng từ thu - chi, lập báo cáo tài chính phải tuân thủ theo đúng quy định về chế độ tài chính kế toán.

4. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã:

Thông báo đến các hộ dùng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp tại địa phương để người nông dân hiểu và nắm bắt được chính sách miễn thủy lợi phí cho các hộ nông dân và mức thu thủy lợi phí, tiền nước và khung giá mức trần thu phí dịch vụ nội đồng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

5. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về thu thủy lợi phí, tiền nước và phí dịch vụ nội đồng sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, các đơn vị quản lý thủy nông, UBND huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản ánh về UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn những vướng mắc để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Cự**